

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v tranh chấp “Hôn nhân, gia đình-
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019 về tranh chấp “Hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Gò Ba G, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Gò Ba G, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Nh có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18/12/2019, bản tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Sau khi tìm hiểu, chị và anh B được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó ly thân và hàn gắn; vợ chồng đi làm công nhân ở Bình Dương. Đến tháng 6 năm 2019, tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh B nhiều lần đánh đập chị nên chị bỏ về nhà cha

mẹ ruột sinh sống và chính thức ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 01/01/2004 và Nguyễn Thanh A, sinh ngày 19/6/2011. Cả 02 con hiện đang sống với anh B; tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc mẹ và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; nợ chung: không có.

Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Chị Nh và anh B tuy có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng. Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 01/01/2004 và Nguyễn Thanh A, sinh ngày 19/6/2011, hiện đang sống với anh B; tại phiên tòa, chị Nh tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh B và nuôi con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân, gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh B là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Gò Ba Gia, xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Sau khi tự tìm hiểu, chị Nh và anh B được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn (được Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh, xã Phú An và thị trấn Phú Mỹ, đều xác nhận từ trước đến nay anh, chị chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận chị Nh và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 01/01/2004 và Nguyễn Thanh A, sinh ngày 19/6/2011, hiện đang sống với anh B; 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Tại phiên tòa, chị Nh tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao 02 cháu cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên hoặc tự lập được; ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 750.000đ/01 đứa con ($750.000\text{đ}/\text{tháng} \times 02 \text{ con} = 1.500.000\text{đ}/\text{tháng}$) đến khi con thành niên hoặc tự lập được; phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự. Anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nh đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh B không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nh và anh B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

+ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 01/01/2004 và Nguyễn Thanh A, sinh ngày 19/6/2011 đến khi thành niên hoặc tự lập được.

Chị Nh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 750.000đ/01 đứa con (750.000đ/tháng x 02 con = 1.500.000đ/tháng) đến khi con thành niên hoặc tự lập được. Phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự.

Anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nh đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng cho con. Tổng cộng 600.000đ; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006350 ngày 19/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Chị Nh phải nộp thêm 300.000đ.

Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyên